

Số: **550** /GDĐT

Cần Giờ, ngày **07** tháng **5** năm **2020**

V/v rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành năm học 2019-2020.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở

Thực hiện Công văn số 1253/GDĐT-KHTC ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành năm học 2019-2020

Để chuẩn bị cho kỳ báo cáo thống kê cuối năm học 2019 - 2020 và đồng bộ Hệ thống điều hành theo Đề án Đô thị thông minh của Ủy ban nhân dân Thành phố, phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đến Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và phổ thông (**gọi tắt là Hệ thống CSDL toàn ngành**) tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn/> năm học 2019 - 2020, cụ thể như sau:

1. Cách thức thực hiện báo cáo:

Tiến hành thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho đầy đủ và hoàn chỉnh (kể cả những thông tin có thay đổi tính đến thời điểm hiện tại) trên **Hệ thống CSDL toàn ngành** các thông tin dữ liệu thống kê như: 1. Thông tin quản trị tài khoản của đơn vị, 2. Thông tin trường học, 3. Thông tin lớp học, 4. Thông tin học sinh (lưu ý đến các thông tin học sinh diện chính sách, học sinh chuyển đến, chuyển đi, thôi học, học sinh theo học lực, hạnh kiểm), 5. Thông tin Nhân sự... (lưu ý đến các thông tin về lương, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, trình độ tin học, ngoại ngữ, đảng viên ...)

Các nguồn dữ liệu kết nối với Hệ thống phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (kèm theo Quyết định)

Nghiên cứu kỹ các nội dung hướng dẫn, quy ước thống kê ngành giáo dục. Mọi thông tin liên quan đến Hệ thống sẽ được cập nhật thông tin tại

Website Sở Giáo dục và Đào tạo <http://hcm.edu.vn/>, phòng Kế hoạch – Tài chính, chuyên mục Cơ sở dữ liệu.

2. Thời hạn thực hiện báo cáo:

- Thời hạn hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên Hệ thống CSDL toàn ngành trước **15/5/2020**.

Lưu ý: Để hệ thống tạo lập được các báo cáo chính xác, các đơn vị phải thực hiện nhập đầy đủ thông tin vào **Hệ thống CSDL toàn ngành**, thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm tính chính xác của các thông tin dữ liệu của đơn vị trên **Hệ thống CSDL toàn ngành**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc xin liên hệ trực tiếp với Ông Hồ Trung Tín - ĐT: 0913.655556 - Email: tinpgdangio.tphcm@moet.edu.vn.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Ông Hồ Trung Tín;
- Lưu:VT.



Võ Thị Diễm Phượng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **1253** GDĐT-KHTC
Về rà soát, điều chỉnh, bổ sung các
thông tin dữ liệu thống kê trên hệ
thống cơ sở dữ liệu toàn ngành năm
học 2019-2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng **5** năm 2020

- Kính gửi: - Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo 24 quận, huyện;
- Hiệu trưởng các trường THPT (công lập và ngoài công lập);
- Giám đốc TT.GDNN-GDTX, Phân hiệu BTVH;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông;

Để chuẩn bị cho kỳ báo cáo thống kê cuối năm học 2019-2020, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố triển khai đến Thủ trưởng các đơn vị về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và phổ thông (gọi tắt là **Hệ thống CSDL toàn ngành**) tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn/> năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

1. Cách thức thực hiện báo cáo:

Chỉ đạo các đơn vị và bộ phận có liên quan thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung trực tiếp trên **Hệ thống CSDL toàn ngành** các thông tin dữ liệu thống kê như: 1. Thông tin quản trị tài khoản của đơn vị, 2. Thông tin trường học, 3. Thông tin lớp học, 4. Thông tin học sinh (lưu ý đến các thông tin học sinh diện chính sách, học sinh chuyển đến, chuyển đi, thôi học, học sinh theo học lực, hạnh kiểm), 5. Thông tin Nhân sự.

Các nguồn dữ liệu kết nối với Hệ thống phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nghiên cứu kỹ các nội dung hướng dẫn, quy ước thống kê ngành giáo dục. Mọi thông tin liên quan đến Hệ thống sẽ được cập nhật thông tin tại Website Sở Giáo dục và Đào tạo <http://hcm.edu.vn/>, phòng Kế hoạch – Tài chính, chuyên mục Cơ sở dữ liệu.

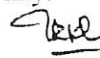
2. Thời hạn thực hiện báo cáo:

- Thời hạn hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin dữ liệu thống kê trên Hệ thống CSDL toàn ngành trước 18/5/2020.

Lưu ý: Để hệ thống tạo lập được các báo cáo chính xác, các đơn vị phải thực hiện nhập đầy đủ thông tin vào Hệ thống CSDL toàn ngành. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm tính chính xác của các thông tin dữ liệu của đơn vị trên Hệ thống CSDL toàn ngành.

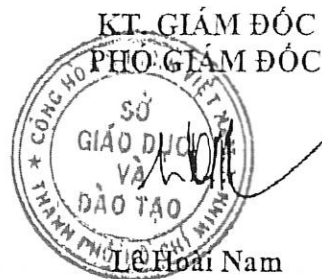
Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc xin liên hệ trực tiếp với Ông Lại Đông Cường - ĐT: 0967.135.888- Email: ldcuong.sgddt@tphcm.gov.vn.

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công văn này.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở GD&ĐT "để báo cáo";
- Phòng, ban Sở "phối hợp";
- Lưu: VP, P.KHTC. 



Số: *1904* /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày *04* tháng *7* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, bao gồm:

1. Phụ lục 1. Danh mục các bảng mã dùng chung của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

2. Phụ lục 2. Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Điều 2. Quy định kỹ thuật về dữ liệu được áp dụng thống nhất trong việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; bảo đảm việc kết nối, tích hợp dữ liệu về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giữa các hệ thống thông tin liên quan với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

Điều 3. Quy định kỹ thuật về dữ liệu được cập nhật và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ moet.gov.vn và Trang thông tin điện tử của Cục Công nghệ thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại địa chỉ e-ict.gov.vn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nam

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng Phòng Xuân Nha (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/d);
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục CNTT (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC CÁC BẢNG MÃ DÙNG CHUNG CỦA HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TOÀN NGÀNH VỀ
GIÁO DỤC MÀM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-BGDDT ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Ký hiệu bảng (Sheet)	Tên danh mục	Nguồn dữ liệu
1	DM_TINH	Danh mục tỉnh/TP	Tổng cục thống kê (https://www.gso.gov.vn/dmhc2015/)
2	DM_HUYEN	Danh mục quận/huyện	Tổng cục thống kê(https://www.gso.gov.vn/dmhc2015/)
3	DM_XA	Danh mục xã, phường	Tổng cục thống kê (https://www.gso.gov.vn/dmhc2015/)
4	DM_KHU_VUC	Danh mục khu vực	
5	DM_VUNG_KHO_KHAN	Danh mục vùng khó khăn	
6	DM_CAP_DON_VI	Danh mục cấp đơn vị	
7	DM_CAP_HOC	Danh mục cấp học	
8	DM_CHUAN_DAO_TAO	Danh mục chuẩn đào tạo	
9	DM_DAN_TOC	Danh mục dân tộc	Tham chiếu QĐ 121-TCTK/PPCB
10	DM_HOC_LUC	Danh mục học lực	
11	DM_DANH_HIEU	Danh mục danh hiệu	
12	DM_HANH_KIEM	Danh mục hành kiểm	
13	DM_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục diện chính sách	
14	DM_DIEN_UU_TIEN_GD	Danh mục diện ưu tiên giáo dục	

STT	Ký hiệu bảng (Sheet)	Tên danh mục	Nguồn dữ liệu
15	DM_DU_AN	Danh mục dự án	
16	DM_GIOI_TINH	Danh mục giới tính	Tham chiếu QCVN 109:2017/BTTTT
17	DM_HANG_THUONG_BINH	Danh mục hàng thương bình	
18	DM_HINH_THUC_DAO_TAO	Danh mục hình thức đào tạo	
19	DM_HINH_THUC_DAO_TAO_HOC_TAP	Danh mục hình thức đào tạo học tập	
20	DM_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục hình thức hợp đồng	
21	DM_HOC_NGOAI_NGU	Danh mục học ngoại ngữ	
22	DM_TIEP_HOC_NGOAI_NGU	Danh mục tiếp học ngoại ngữ	
23	DM_TIET_HOC	Danh mục tiết học	
24	DM_KHEN_THUONG	Danh mục khen thưởng	
25	DM_KHOI	Danh mục khối	
26	DM_LOAI_CAN_BO	Danh mục loại cán bộ	
27	DM_LOAI_HINH	Danh mục loại hình trường	
28	DM_LOAI_TRUONG	Danh mục loại trường	
29	DM_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục loại khuyết tật	
30	DM_LOP_DAO_TAO_BOI_DUONG	Danh mục lớp đào tạo bồi dưỡng	
31	DM_LOP_GHEP	Danh mục lớp ghép	
32	DM_LOP_HUONG_NGHIEP_DAY_NGHE	Danh mục lớp hướng nghiệp dạy nghề	
33	DM_LY_DO_THOI_HOC	Danh mục lý do thôi học	
34	DM_MIEN_GIAM_HOC_PHI	Danh mục miễn giảm học phí	
35	DM_MON_HOC	Danh mục môn học	
36	DM_MUC_DAT_CHUAN_QG_CLGD	Danh mục đạt chuẩn quốc gia chất lượng tối thiểu	
37	DM_NGOAI_NGU	Danh mục ngoại ngữ	

STT	Ký hiệu bảng (Sheet)	Tên danh mục	Nguồn dữ liệu
38	DM_NHOM_CAN_BO	Danh mục nhóm cán bộ	
39	DM_NHOM_CAP_HOC	Danh mục nhóm cấp học	
40	DM_PHAN_BAN	Danh mục phân ban	
41	DM_TIET_HOC	Danh mục tiết học	
42	DM_TOT_NGHIEP	Danh mục tốt nghiệp	
43	DM_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục trạng thái cán bộ	
44	DM_TRANG_THAI_HOC_SINH	Danh mục trạng thái học sinh	
45	DM_TRINH_DO	Danh mục trình độ	
46	DM_TRINH_DO_CHUYEN_MON	Danh mục trình độ chuyên môn	
47	DM_TRINH_DO_DAO_TAO	Danh mục trình độ đào tạo	
48	DM_TRINH_DO_LLCT	Danh mục trình độ lý luận chính trị	
49	DM_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục trình độ ngoại ngữ	
50	DM_TRINH_DO_QLGD	Danh mục trình độ quản lý giáo dục	
51	DM_TRINH_DO_QLNN	Danh mục trình độ quản lý nhà nước	
52	DM_TRINH_DO_TTN_HOC	Danh mục trình độ tin học	
53	DM_KIEU_LOP	Danh mục kiểu lớp	
54	DM_NHOM_TUOI_MN	Danh mục nhóm tuổi mầm non	
55	DM_KENH_TANG_TRUONG_CAN_NANG	Danh mục kênh tăng trưởng cán năng	
56	DM_NUOC	Danh mục quốc tịch	Tham chiếu TCVN 7217-3:2013
57	DM_TON_GIAO	Danh mục tôn giáo	Tham chiếu QĐ 121-TCTK/PPCB, QĐ 132/QĐ-TGCP
58	DM_NHOM_CHUYEN_NGANH	Danh mục nhóm chuyên ngành	
59	DM_HE_CHUYEN	Danh mục hệ chuyên	
60	DM_NGACH_CC	Danh mục ngạch công chức	
61	DM_MON_DAY_GV	Danh mục môn dạy giáo viên	

STT	Ký hiệu bảng (Sheet)	Tên danh mục	Nguồn dữ liệu
62	DM_BAC_LUONG	Danh mục bậc lương	
63	DM_BOI_DUONG_TX	Danh mục bồi dưỡng thường xuyên	
64	DM_CHUYEN_MON	Danh mục chuyên môn	
65	DM_KQ_CHUAN_NGHE_NGHIEP	Danh mục chuẩn nghề nghiệp	
66	DM_DG_VIEN_CHUC	Danh mục đánh giá viên chức	
67	DM_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục giáo viên giỏi	
68	DM_NHIEM_VU_KIEM_NHIEM	Danh mục kiểm nhiệm	
69	DM_KHEN_THUONG_GV	Danh mục khen thưởng giáo viên	
70	DM_KY_LUAT_GV	Danh mục kỷ luật giáo viên	
71	DM_CHUC_VU_DANG_VIEN	Danh mục chức vụ đang viên	
72	DM_CHUC_VU_DOAN_VIEN	Danh mục chức vụ đoàn viên	
73	DM_GV_GIANG_DAY_VH	Danh mục giáo viên giảng dạy văn hóa	
74	DM_HINH_THUC_KHEN_THUONG	Danh mục hình thức khen thưởng	
75	DM_HINH_THUC_KY_LUAT	Danh mục hình thức kỷ luật	
76	DM_HINH_THUC_TUYEN_DUNG	Danh mục hình thức tuyển dụng	
77	DM_HOC_HAM	Danh mục học hàm	
78	DM_HOC_VAN_PHO_THONG	Danh mục học văn phổ thông	
79	DM_HOC_VI	Danh mục học vị	
80	DM_KHEN_THUONG_NHAN_SU	Danh mục khen thưởng nhân sự	
81	DM_MOI QUAN_HIE	Danh mục mối quan hệ	Tham chiếu QCVN 109:2017/BTTTT
82	DM_NGANH_DAO_TAO	Danh mục ngành đào tạo	
83	DM_TIENG_DAN_TOC	Danh mục tiếng dân tộc	
84	DM_TINH_TRANG_HON_NHAN	Danh mục tình trạng hôn nhân	Tham chiếu QCVN 109:2017/BTTTT
85	DM_TRINH_DO_HANH_CHINH_NHA_NUOC	Danh mục trình độ hành chính nhà nước	
86	DM_VUNG	Danh mục vùng	

STT	Ký hiệu bảng (Sheet)	Tên danh mục	Nguồn dữ liệu
87	DM_HOC_BAN_TRU	Danh mục học bán trú	
88	DM_SO_BUOI_HOC_TREN_TUAN	Danh mục số buổi học trên tuần	
89	DM_TRUNG_TAM	Danh mục trung tâm	
90	DM_LOAI_TRUNG_TAM	Danh mục loại trung tâm	
91	DM_GIAI_DOAN_KQHT	Danh mục giai đoạn kết quả học tập	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 2: QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ DỮ LIỆU DÙNG CHO HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TOÀN NGÀNH VỀ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng Năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định kỹ thuật về dữ liệu dùng cho hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông này quy định kỹ thuật về trường dữ liệu, kiểu dữ liệu, độ dài dữ liệu đối với các nhóm dữ liệu về trường học, giáo viên, lớp học, học sinh, kết quả học tập bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; quy định kỹ thuật về dữ liệu khen thưởng, thi sinh tự do, xét tốt nghiệp, kết quả thi lại, báo cáo quản lý chất lượng giáo dục (EQMS).

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo, các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông: là một cơ sở dữ liệu tập trung, tập hợp các cơ sở dữ liệu thành phần về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, quản lý để phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông: là hệ thống công nghệ thông tin hoạt động trên môi trường mạng (tại địa chỉ: csdl.moet.gov.vn) để thực hiện việc tiếp nhận, xử lý báo cáo dữ liệu của các sở giáo dục và đào tạo lên cơ sở dữ liệu toàn ngành về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Hệ thống cơ sở dữ liệu gồm các phân hệ quản lý mầm non, tiểu học, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, và các phân hệ quản lý khác.

II. Quy định kỹ thuật về dữ liệu

1. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Trường mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
TRMN.1.1	Thông tin chung						
	Mã trường	MA		Chuỗi ký tự	String	20	
	Tên trường	TEN		Chuỗi ký tự	String	200	
	Mã nhóm cấp học	MA_NHOM_CAP_HOC		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã tỉnh	MA_TINH		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã huyện	MA_HUYEN		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đôi tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Địa chỉ	DIA CHI	Chuỗi ký tự	String	
		Mã loại hình trường	MA LOAI HINH TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã đặt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục	MA DAT_CHUAN_DANH_GIA CLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã khu vực	MA KHU VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Điện thoại	DIEN_THOAI	Chuỗi ký tự	String	20
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20
		Fax	FAX	Chuỗi ký tự	String	20
		Website	WEBSITE	Chuỗi ký tự	String	250
		Vị trí bản đồ	VI TRI BAN DO	Chuỗi ký tự	String	50
		Tên hiệu trưởng	HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Điện thoại hiệu trưởng	DIEN_THOAI_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
		Email hiệu trưởng	EMAIL_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Có chỉ bộ đảng	IS_CO_CHI_BO_DANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có phải là trường quốc tế	IS_TRUONG_QUOC_TE	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh khuyết tật	IS_HOC_SINH_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh bán trú	IS_HOC_SINH_BAN_TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có thuộc vùng đặc biệt khó khăn	IS_VUNG_DAC_BIET_KHO_KHAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ngày	IS_2_BUOI_NGAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Diện tích	DIEN_TICH	Chuỗi ký tự	String	10
		Ngày tháng năm thành lập	NAM_THANH_LAP	Ngày tháng	Date	10 Tham chiếu QCVN

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
							102:2016/BTTTT
		Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	IS_SU_DUNG_MAY_TINH_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1	
		Được kết nối Internet	IS_KHAI_THAC_INTERNET_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có điện lưới	IS_DIEN_LUOI	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có nguồn nước sạch	IS_NGUON_NUOC_SACH	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có công trình vệ sinh	IS_CONG_TRINH_VE_SINH	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	IS_CT_GDVS_DOI_TAY	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	IS_CHUONG_TRINH_GIAO_DUC_CO_CO_BAN	Chuỗi ký tự	String	1	
		Mã vùng	MA_VUNG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Danh sách điểm trường	DIEM_TRUONGS	Tham chiếu TRMN.2.1			
		Danh sách mã vùng khó khăn	TRUONG_VUNG_KHO_KHANS	Tham chiếu TRMN.2.2			
Cấp độ: Cấp 2							
TRMN.2.1	Điểm trường						
		Mã điểm trường	MA	Chuỗi ký tự	String	20	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Tên điểm trường	TEN	Chuỗi ký tự	String	200	
		Số điện thoại	DIEN_THOAI	Chuỗi ký tự	String	20	
		Địa chỉ	DIA_CHI	Chuỗi ký tự	String	200	
		Khoảng cách điểm trường chính	KHOANG_CACH_DIEM_TRUONG_CHINH	Số thập phân	Decimal	10	
		Phương tiện có thể đi lại	PHUONG_TIEN_CO_THE_DI_LAI	Chuỗi ký tự	String	200	
		Diện tích	DIEN_TICH	Số thập phân	Decimal	10	
TRMN.2.2	Trường vùng khó khăn						
		Mã vùng khó khăn	MA	Chuỗi ký tự	String	20	

2. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Trường tiểu học

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường tiểu học								
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả	
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Cấp độ: Cấp 1								
TRC1.1.1	Thông tin chung							
		Mã trường	MA	Chuỗi ký tự	String	20		
		Tên trường	TEN	Chuỗi ký tự	String	200		
		Mã nhóm cấp học	MA_NHOM_CAP_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Địa chỉ	DIA_CHI	Chuỗi ký tự	String	200		
		Mã loại hình trường	MA_LOAI_HINH_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã loại trường	MA_LOAI_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã vùng khó khăn	MA_VUNG_KHO_KHAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục	MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã dự án	MA_DU_AN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Số điểm trường	SO_DIEM_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Điện thoại	DIEN_THOAI	Chuỗi ký tự	String	10		
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20		
		Fax	FAX	Chuỗi ký tự	String	20		
		Website	WEBSITE	Chuỗi ký tự	String	50		

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Vị trí bản đồ	VI TRI BAN DO	Chuỗi ký tự	String	50
		Tên hiệu trường	HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Điện thoại hiệu trưởng	DIEN THOI HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Email hiệu trưởng	EMAIL HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Có chỉ bộ đảng	IS CO CHI BO DANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có phải là trường quốc tế	IS TRUONG QUOC TE	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh khuyết tật	IS HOC SINH KHUYET TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh bán trú	IS HOC SINH BAN TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có kỹ năng sống	IS KY NANG SONG GDXH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh nội trú	IS HOC SINH NOI TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có thuộc vùng đặc biệt khó khăn	IS VUNG DAC BIET KHO_K HAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có đạt chất lượng tối thiểu	IS DAT CHAT LUONG_TOI_THIEU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ngày	IS 2 BUOI NGAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Điện tích	DIEN TICH	Chuỗi ký tự	String	10
		Ngày tháng năm thành lập	NAM THANH LAP	Ngày tháng	Date	10
		Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	IS_SU_DUNG_MAY_VI_TINH_DA_Y_HOC	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Được kết nối Internet	IS_KHAI_THAC_INTERNET_D AY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Có điện lưới	IS_DIEN_LUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có nguồn nước sạch	IS_NGUON_NUOC_SACH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có công trình vệ sinh	IS_CONG_TRINH_VE_SINH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	IS_CT_GDVS_DOI_TAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	IS_CHUONG_TRINH_GIAO_D UC_CO_BAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có hạ tầng tiếp cận học sinh khuyết tật	IS_CO_HA_TANG_TLHT_PHU HOP_HSKT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có bộ phận công tác tư vấn học đường	IS_CONG_TAC_TU_VAN_HOC DUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã vùng	MA_VUNG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh sách điểm trường	DIEM_TRUONGS	Tham chiếu TRMN.2.1		DMDC
		Danh sách mã vùng khó khăn	TRUONG_VUNG_KHO_KHAN S	Tham chiếu TRMN.2.2		

3. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Trường trung học cơ sở

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học cơ sở								
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả	
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Cấp độ: Cấp 1								
TRC2.1.1	Thông tin chung							
	Mã		MA	Chuỗi ký tự	String	20		
	Tên		TEN	Chuỗi ký tự	String	200		
	Mã nhóm cấp học		MA_NHOM_CAP_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã tỉnh		MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã huyện		MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã xã		MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Địa chỉ		DIA_CHI	Chuỗi ký tự	String	200		
	Mã loại hình trường		MA_LOAI_HINH_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã loại trường		MA_LOAI_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã vùng khó khăn		MA_VUNG_KHO_KHAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục		MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã khu vực		MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Mã dự án		MA_DU_AN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
	Số điểm trường		SO_DIEM_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	10		
	Điện thoại		DIEN_THOI	Chuỗi ký tự	String	20		
	Email		EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20		
	Fax		FAX	Chuỗi ký tự	String	20		
	Website		WEBSITE	Chuỗi ký tự	String	50		

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học cơ sở

Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Vị trí bản đồ	VI_TRI_BAN_DO	Chuỗi ký tự	String	50	
		Tên hiệu trưởng	HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Điện thoại hiệu trưởng	DIEN_THOAI_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Email hiệu trưởng	EMAIL_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Có chỉ bộ đảng	IS_CO_CHI_BO_DANG	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có phải là trường đạt chuẩn quốc tế	IS_DAT_CHUAN_QG	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có phải là trường quốc tế	IS_TRUONG_QUOC_TE	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có học sinh khuyết tật	IS_HOC_SINH_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có học sinh bán trú	IS_HOC_SINH_BAN_TRU	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có kỹ năng sống	IS_KY_NANG_SONG_GDXH	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có học sinh nội trú	IS_HOC_SINH NOI_TRU	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có thuộc vùng đặc biệt khó khăn	IS_VUNG_DAC_BIET_KHO_KHAN	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có đạt chất lượng tối thiểu	IS_DAT_CHAT_LUONG_TOI_THIEU	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có dạy 2 buổi/ngày	IS_2_BUOI_NGAY	Chuỗi ký tự	String	1	
		Điện tích	DIEN_TICH	Chuỗi ký tự	String	10	
		Ngày tháng năm thành lập	NAM_THANH_LAP	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Vị trí bản đồ	VI_TRI_BAN_DO	Chuỗi ký tự	String	50	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	IS_SU_DUNG_MAY_TINH_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Được kết nối Internet	IS_KHAI_THAC_INTERNET_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Có điện lưới	IS_DIEN_LUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có nguồn nước sạch	IS_NGUON_NUOC_SACH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có công trình vệ sinh	IS_CONG_TRINH_VE_SINH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	IS_CT_GDVS_DOI_TAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	IS_CHUONG_TRINH_GIAO_DUC_CO_BAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có hạ tầng tiếp cận học sinh khuyết tật	IS_CO_HA_TANG_TLHT_PHU_HOP_HSKT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có bộ phận công tác tư vấn học đường	IS_CONG_TAC_TU_VAN_HOC_DUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã vùng	MA_VUNG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh sách điểm trường	DIEM_TRUONGS	Tham chiếu TRMN.2.1		
		Danh sách mã vùng khó khăn	TRUONG_VUNG_KHO_KHAN_S	Tham chiếu TRMN.2.2		

5. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Trường trung học phổ thông

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học phổ thông								
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả	
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Cấp độ: Cấp 1								
TRC3.1.1	Thông tin chung							
	Mã trường	MA		Chuỗi ký tự	String	20		
	Tên trường	TEN		Chuỗi ký tự	String	200		
	Mã nhóm cấp học	MA_NHOM_CAP_HOC		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã tỉnh	MA_TINH		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã huyện	MA_HUYEN		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã xã	MA_XA		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Địa chỉ	DIA_CHI		Chuỗi ký tự	String	200		
	Mã loại hình trường	MA_LOAI_HINH_TRUONG		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã loại trường	MA_LOAI_TRUONG		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã vùng khó khăn	MA_VUNG_KHO_KHAN		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục	MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã khu vực	MA_KHU_VUC		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Mã dự án	MA_DU_AN		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Số điểm trường	SO_DIEM_TRUONG		Danh mục liệt kê	Enumeration	20		DMDC
	Điện thoại	DIEN_THOAI		Chuỗi ký tự	String	10		
	Email	EMAIL		Chuỗi ký tự	String	20		
	Fax	FAX		Chuỗi ký tự	String	20		
	Website	WEBSITE		Chuỗi ký tự	String	50		

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Vị trí bản đồ	VI TRI BAN DO	Chuỗi ký tự	String	50
		Tên hiệu trưởng	HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Điện thoại hiệu trưởng	DIEN THOI HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Email hiệu trưởng	EMAIL HIEU TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50
		Có chỉ bộ đảng	IS CO CHI BO DANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có phải là trường đạt chuẩn quốc tế	IS_DAT_CHUAN_QG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có phải là trường quốc tế	IS TRUONG QUOC TE	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh khuyết tật	IS HOC SINH KHUYET TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh bán trú	IS HOC SINH BAN TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có kỹ năng sông	IS KY NANG SONG GDXH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có học sinh nội trú	IS HOC SINH NOI TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có thuộc vùng đặc biệt khó khăn	IS_VUNG_DAC_BIET_KHO_KHAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có đạt chất lượng tối thiểu	IS_DAT_CHAT_LUONG_TOI_THIEU	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ngày	IS 2 BUOI NGAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Diện tích	DIEN TICH	Chuỗi ký tự	String	10
		Ngày tháng năm thành lập	NAM THANH LAP	Chuỗi ký tự	String	10
		Có dạy nghề phổ thông	IS_DAY_NGHE_PHO_THONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có lớp không chuyên	IS_CO_LOP_KHONG_CHUYE_N	Chuỗi ký tự	String	1
		Có kỹ năng sông	IS KY NANG SONG GDXH	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trường trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	IS_SU_DUNG_MAY_TINH_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Được kết nối Internet	IS_KHAI_THAC_INTERNET_DAY_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Có điện lưới	IS_DIEN_LUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có nguồn nước sạch	IS_NGUON_NUOC_SACH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có công trình vệ sinh	IS_CONG_TRINH_VE_SINH	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	IS_CT_GDVS_DOI_TAY	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	IS_CHUONG_TRINH_GIAO_DUC_CO_BAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có hạ tầng tiếp cận học sinh khuyết tật	IS_CO_HA_TANG_TLHT_PHU_HOP_HSKT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có bộ phận công tác tư vấn học đường	IS_CONG_TAC_TU_VAN_HOC_DUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã vùng	MA_VUNG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Danh sách điểm trường	DIEM_TRUONGS	Tham chiếu TRMN.2.1		
		Danh sách mã vùng khó khăn	TRUONG_VUNG_KHO_KHAN_S	Tham chiếu TRMN.2.2		

5. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Trung tâm giáo dục thường xuyên

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trung tâm giáo dục thường xuyên							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
TTX.1.1	Thông tin chung						
		Mã trung tâm	MA	Chuỗi ký tự	String	20	
		Tên trung tâm	TEN	Chuỗi ký tự	String	200	
		Mã nhóm cấp học	MA_NHOM_CAP_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Địa chỉ	DIA_CHI	Chuỗi ký tự	String	200	
		Mã loại hình trung tâm	MA_LOAI_HINH_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã loại trung tâm	MA_LOAI_TRUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã vùng khó khăn	MA_VUNG_KHO_KHAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục	MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Điện thoại	DIEN_THOAI	Chuỗi ký tự	String	20	
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20	
		Fax	FAX	Chuỗi ký tự	String	20	
		Website	WEBSITE	Chuỗi ký tự	String	50	
		Tên hiệu trung tâm	HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Điện thoại giám đốc	DIEN_THOAI_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Trung tâm giáo dục thường xuyên							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Email giám đốc	EMAIL_HIEU_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Có chỉ bộ đảng	IS_CO_CHI_BO_DANG	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có dạy kỹ năng sống giáo dục xã hội	IS_KY_NANG_SONG_GDXH	Chuỗi ký tự	String	1	
		Mã loại trung tâm	MA_LOAI_TRUNG_TAM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã trung tâm	MA_TRUNG_TAM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Có là trung tâm giáo dục thường xuyên huyện	IS_TT_GDTX_HUYEN	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có là trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp	IS_TT_GDTX_HUONG_NGHIEP	Chuỗi ký tự	String		
		Có là trung tâm nhà văn hóa	IS_TT_HTCD_KH_NHA_VAN_HOA	Chuỗi ký tự	String	1	
		Có vốn đầu tư nước ngoài	IS_TT_NN_CO_VON_NUOC_NGOAI	Chuỗi ký tự	String	1	
		Mã vùng	MA_VUNG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Danh sách điểm trường	DIEM_TRUONGS	Tham chiếu TRMN.2.1			
		Danh sách mã vùng khó khăn	TRUONG_VUNG_KHO_KHAN_S	Tham chiếu TRMN.2.2			

6. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Giáo viên mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
GVMN.1.1	Thông tin chung						
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	250	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT
	Mã		MA	Chuỗi ký tự	String	20	
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT TT
	Mã giới tính		MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã trạng thái cán bộ		MA_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Số chứng minh thư nhân dân		SO_CMTND	Chuỗi ký tự	String	20	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	50
		Số di động	DI_DONG	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã tôn giáo	MA_TON_GIAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Quê quán	QUE_QUAN	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Là đảng viên	IS_DANG_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Số số BHXH	SO_SO_BHXH	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã nhóm cán bộ	MA_NHOM_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã loại cán bộ	MA_LOAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã hình thức hợp đồng	MA_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Ngày tuyển dụng	NGAY TUYEN_DUNG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTITT
		Cơ quan tuyển dụng	CO QUAN TUYEN_DUNG	Ngày tháng	String	10
		Nghề nghiệp khi được tuyển	NGHE_NGHIEP_KHI_DUOC_TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã số ngạch/hạng	MA_SO_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã môn dạy	MA_MON_DAY	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã môn kiểm nhiệm	MA_MON_KIEM_NHIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã tiếng dân tộc	MA_TIENG_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Số tiết thực dạy trên tuần	SO_TIET_THUC_DAY_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Số tiết thực kiểm nhiệm trên tuần	SO_TIET_THUC_KIEM_NHIE_M_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Có được tập huấn kỹ năng sống	IS_TAP_HUAN_KY_NANG_SO_NG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy lớp khuyết tật	IS_DAY_LOP_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 1 buổi / ngày	IS_DAY_1_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ ngày	IS_DAY_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chuyên trách đoàn đội	IS_CHUYEN_TRACH_DOAN_DOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Phụ cấp thu hút	PC_THU_HUT	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp thâm niên	PC_THAM_NIEN	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp ưu đãi nghề	PC_UD_NGHE	Số thập phân	Decimal	20
		Mã bậc lương	MA_BAC_LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phần trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thập phân	Decimal	10
		Hệ số lương	HE_SO_LUONG	Số thực	Float	10
		Ngày hưởng lương	NGAY_HUONG_LUONG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
				Ngày tháng		10

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã bồi dưỡng thường xuyên	MA_BOI_DUONG_TX	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ chuyên môn	MA_TRINH_DO_CHUYEN_MON_N	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ lý luận chính trị	MA_TRINH_DO_LLCT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ quản lý giáo dục	MA_TRINH_DO_QLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Mã trình độ tin học	MA_TRINH_DO_TIN_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã chuyên môn	MA_CHUYEN_MON_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ 1	MA_TRINH_DO_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã chuyên môn 2	MA_CHUYEN_MON_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ 2	MA_TRINH_DO_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã kết quả chuẩn nghề nghiệp	MA_KET_QUA_CHUAN_NGH_E_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã đánh giá viên chức	MA_DG_VIEN_CHUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã giáo viên giỏi	MA_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Danh hiệu được phong tặng cao nhất	DANH_HIEU_DUOC_PHONG_TANG_CAO_NHAT	Chuỗi ký tự	String	200
		Được tuyển mới	IS TUYEN MOI	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Ngày chuyển đến	NGAY_CHUYEN_DEN		Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Năm vào trường	NAM_VAO_TRUONG		Integer	4	
		Danh sách nhiệm vụ kiểm nhiệm	NHIEM_VU_KIEM_NHIEMS	Tham chiếu GVMN.2.1			
		Danh sách quá trình lương	NHAN_SU_QUA_TRINH_LUO NGS	Tham chiếu GVMN.2.2			
		Danh sách quá trình đào tạo bồi dưỡng	NHAN_SU_QUA_TRINH_DAO TAO_BOI_DUONGS	Tham chiếu GVMN.2.3			
		Danh sách nhân sự quá trình ngoại ngữ	NHAN_SU_QUA_TRINH_NGO AI_NGUS	Tham chiếu GVMN.2.4			
		Danh sách nhân sự khen thưởng	NHAN_SU_KHEN_THUONGS	Tham chiếu GVMN.2.5			
		Danh sách nhân sự kỷ luật	NHAN_SU_KY_LUATS	Tham chiếu GVMN.2.6			
Cấp độ: Cấp 2							
GVMN.2. 1	Nhiệm vụ kiểm nhiệm						
		Mã nhiệm vụ kiểm nhiệm	MA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
GVMN.2.2	Nhân sự quá trình lương						
		Ngày tháng năm	NGAY_THANG_NAM	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã bậc lương	MA_BAC_LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Hệ số lương	HE_SO_LUONG	Số thập phân	Decimal	10	
		Phân trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thực	Float	10	
GVMN.2.3	Nhân sự quá trình đào tạo bồi dưỡng						
		Tên trường	TEN_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Mã nhóm chuyên ngành	MA_NHOM_CHUYEN_NGAN_H	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Từ ngày tháng năm	TU_THANG_NAM	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Đến ngày tháng năm	DEN_THANG_NAM		Date	10
		Mã hình thức đào tạo	MA_HINH_THUC_DAO_TAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã văn bản chứng chỉ	MA_VB_CHUNG_CHI	Chuỗi ký tự	String	50
		Tên văn bản chứng chỉ	VAN_BAN_CHUNG_CHI	Chuỗi ký tự	String	250
		Chuyên ngành đào tạo	CHUYEN_NGANH_DAO_TAO	Chuỗi ký tự	String	250
GVMN.2.4	Nhân sự quá trình ngoại ngữ					
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Ngày cấp	NGAY_CAP		Date	
		Ghi chú	GHI_CHU		String	200
GVMN.2.5	Nhân sự khen thưởng					
		Mã khen thưởng giáo viên	MA_KHEN_THUONG_GV	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
						DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Nội dung khen thưởng	NOI DUNG	Chuỗi ký tự	String	250	
		Cấp khen thưởng	CAP_KHEN_THUONG	Chuỗi ký tự	String	100	
		Ngày khen thưởng	NGAY_KHEN_THUONG		Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Số quyết định	SO QUYET DINH_KHEN_THUONG	Chuỗi ký tự	String	100	
GVMN.2.6	Nhân sự kỷ luật						
		Mã kỷ luật giáo viên	MA KY LUAT GV	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Cấp kỷ luật	CAP KY LUAT	Chuỗi ký tự	String	100	
		Ngày kỷ luật	NGAY_KY_LUAT		Date		Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Số quyết định	SO QUYET DINH KY LUAT	Chuỗi ký tự	String	100	

7. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Giáo viên tiểu học

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên tiểu học							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
GVC1.1.1	Thông tin chung						
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã	MA	Chuỗi ký tự	String	20	
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	250	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
		Ngày sinh	NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã giới tính	MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã trạng thái cán bộ	MA_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Số chứng minh thư nhân dân	SO_CMTND	Chuỗi ký tự	String	20	
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	50	
		Số di động	DI_DONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã tôn giáo	MA_TON_GIAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Quê quán	QUE_QUAN	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Là đảng viên	IS_DANG_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Số sổ bảo hiểm xã hội	SO_SO BHXH	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã nhóm cán bộ	MA_NHOM_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã loại cán bộ	MA_LOAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã hình thức hợp đồng	MA_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Ngày tuyển dụng	NGAY TUYEN_DUNG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Cơ quan tuyển dụng	CO QUAN TUYEN_DUNG	Ngày tháng	String	10
		Nghề nghiệp khi được tuyển	NGHE_NGHIEP_KHI_DUOC_TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã số ngạch/hạng	MA_SO_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã môn dạy	MA_MON_DAY	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã môn kiểm nghiệm	MA_MON_KIEM_NHIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã tiếng dân tộc	MA_TIENG_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Số tiết thực dạy trên tuần	SO TIET THUC DAY TUAN	Số nguyên	Integer	10
		Số tiết thực kiểm nhiệm trên tuần	SO TIET_THUC_KIEM_NHIE M TUAN	Số nguyên	Integer	10
		Có được tập huấn kỹ năng sống	IS_TAP_HUAN_KY_NANG_SO NG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy lớp khuyết tật	IS DAY LOP KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 1 buổi / ngày	IS DAY_1_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ ngày	IS DAY_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chuyên trách đoàn đội	IS_CHUYEN_TRACH_DOAN_DOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Phụ cấp thu hút	PC THU HUT	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp thâm niên	PC THAM NIEN	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp ưu đãi nghề	PC UD NGHE	Số thập phân	Decimal	20
		Mã bậc lương	MA BAC LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phần trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thập phân	Decimal	10
		Hệ số lương	HE SO LUONG	Số thực	Float	10
		Ngày hưởng lương	NGAY_HUONG_LUONG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã bồi dưỡng thường xuyên	MA_BOI_DUONG_TX	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ chuyên môn	MA_TRINH_DO_CHUYEN_MO N	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã trình độ lý luận chính trị	MA_TRINH_DO_LLCT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ quản lý giáo dục	MA_TRINH_DO_QLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Mã trình độ tin học	MA_TRINH_DO_TIN_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 1	MA_CHUYEN_MON_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 1	MA_TRINH_DO_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 2	MA_CHUYEN_MON_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 2	MA_TRINH_DO_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã kết quả chuẩn nghề nghiệp	MA_KET_QUA_CHUAN_NGH_E_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã đánh giá viên chức	MA_DG_VIEN_CHUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã giáo viên giỏi	MA_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh hiệu được phong tặng cao nhất	DANH_HIEU_DUOC_PHONG_TANG_CAO_NHAT	Chuỗi ký tự	String	200
		Is tuyển mới	IS TUYEN MOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Ngày chuyển đến	NGAY_CHUYEN_DEN		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
				Ngày tháng		10

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên tiểu học							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Năm vào trường	NAM_VAO_TRUONG	Số nguyên	Integer	4	
		Danh sách nhiệm vụ kiêm nhiệm	NHIEM_VU_KIEM_NHIEMS	Tham chiếu GVMN.2.1			
		Danh sách quá trình lương	NHAN_SU_QUA_TRINH_LUO NGS	Tham chiếu GVMN.2.2			
		Danh sách quá trình đào tạo bồi dưỡng	NHAN_SU_QUA_TRINH_DAO TAO_BOI_DUONGS	Tham chiếu GVMN.2.3			
		Danh sách nhân sự quá trình ngoại ngữ	NHAN_SU_QUA_TRINH_NGO AI_NGUS	Tham chiếu GVMN.2.4			
		Danh sách nhân sự khen thưởng	NHAN_SU_KHEN_THUONGS	Tham chiếu GVMN.2.5			
		Danh sách nhân sự kỷ luật	NHAN_SU_KY_LUATS	Tham chiếu GVMN.2.6			

8. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Giáo viên trung học cơ sở

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học cơ sở							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
GVC2.1.1	Thông tin chung						
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã	MA	Chuỗi ký tự	String	20	
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT
		Ngày sinh	NGAY_SINH		Date	250	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT TT
		Mã giới tính	MA_GIOI_TINH	Ngày tháng		10	DMDC
		Mã trạng thái cán bộ	MA_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Số chứng minh thư nhân dân	SO_CMTND	Danh mục liệt kê	Enumeration		
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20	
		Số di động	DI_DONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Chuỗi ký tự	String	20	
				Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã tôn giáo	MA_TON_GIAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Quê quán	QUE_QUAN	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Là đảng viên	IS_DANG_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Số sổ bảo hiểm xã hội	SO_SO_BHXH	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã nhóm cán bộ	MA_NHOM_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã loại cán bộ	MA_LOAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã hình thức hợp đồng	MA_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Ngày tuyển dụng	NGAY TUYEN_DUNG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Cơ quan tuyển dụng	CO QUAN TUYEN_DUNG	Ngày tháng	String	250
		Nghề nghiệp khi được tuyển	NGHE_NGHIEP_KHI_DUOC_TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã số ngạch/hạng	MA_SO_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã môn dạy	MA_MON_DAY	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã môn kiêm nhiệm	MA_MON_KIEM_NHIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã tiếng dân tộc	MA_TIENG_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Số tiết thực dạy trên tuần	SO_TIET_THUC_DAY_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Số tiết thực kiểm nhiệm trên tuần	SO_TIET_THUC_KIEM_NHIE_M_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Có được tập huấn kỹ năng sống	IS_TAP_HUAN_KY_NANG_SO_NG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy lớp khuyết tật	IS_DAY_LOP_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 1 buổi / ngày	IS_DAY_1_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ ngày	IS_DAY_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chuyên trách đoàn đội	IS_CHUYEN_TRACH_DOAN_DOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có tham gia chương trình bồi dưỡng	IS_THAM_GIA_CHUONG_TRI_NH_BOI_DUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Phụ cấp thu hút	PC_THU_HUT	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp thâm niên	PC_THAM_NIEN	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp ưu đãi nghề	PC_UD_NGHE	Số thập phân	Decimal	20
		Mã bậc lương	MA_BAC_LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phần trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thập phân	Decimal	10
		Hệ số lương	HE_SO_LUONG	Số thực	Float	10
		Ngày hưởng lương	NGAY_HUONG_LUONG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTIT
		Mã bồi dưỡng thường xuyên	MA_BOI_DUONG_TX	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã trình độ chuyên môn	MA_TRINH_DO_CHUYEN_MO N	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ lý luận chính trị	MA_TRINH_DO_LLCT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ quản lý giáo dục	MA_TRINH_DO_QLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Mã trình độ tin học	MA_TRINH_DO TIN_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã chuyên môn	MA_CHUYEN_MON_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ	MA_TRINH_DO_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã chuyên môn	MA_CHUYEN_MON_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ	MA_TRINH_DO_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã kết quả chuẩn nghề nghiệp	MA_KET_QUA_CHUAN_NGH E_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã đánh giá viên chức	MA_DG_VIEN_CHUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã giáo viên giỏi	MA_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Danh hiệu được phong tặng cao nhất	DANH_HIEU_DUOC_PHONG_ TANG_CAO_NHAT	Chuỗi ký tự	String	200
		Được tuyển mới	IS_TUYEN_MOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Ngày chuyển đến	NGAY_CHUYEN_DEN	Ngày tháng	Date	10 Tham chiếu QCVN

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học cơ sở							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
							102:2016/BTTTT
		Năm vào trường	NAM_VAO_TRUONG	Số nguyên	Integer	4	
		Danh sách nhiệm vụ kiêm nhiệm	NHIEM_VU_KIEM_NHIEMS	Tham chiếu GVMN.2.1			
		Danh sách quá trình lương	NHAN_SU_QUA_TRINH_LUO NGS	Tham chiếu GVMN.2.2			
		Danh sách quá trình đào tạo bồi dưỡng	NHAN_SU_QUA_TRINH_DAO TAO_BOI_DUONGS	Tham chiếu GVMN.2.3			
		Danh sách nhân sự quá trình ngoại ngữ	NHAN_SU_QUA_TRINH_NGO AI_NGUS	Tham chiếu GVMN.2.4			
		Danh sách nhân sự khen thưởng	NHAN_SU_KHEN_THUONGS	Tham chiếu GVMN.2.5			
		Danh sách nhân sự kỷ luật	NHAN_SU_KY_LUATS	Tham chiếu GVMN.2.6			

9. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Giáo viên trung học phổ thông

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học phổ thông							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
GVC2.1.1	Thông tin chung						
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã	MA	Chuỗi ký tự	String	20	
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	250	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
		Ngày sinh	NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	
		Mã giới tính	MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã trạng thái cán bộ	MA_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Số chứng minh thư nhân dân	SO_CMTND	Chuỗi ký tự	String	20	
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	50	
		Số di động	DI_DONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã tôn giáo	MA_TON_GIAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Quê quán	QUE_QUAN	Chuỗi ký tự	String	250	
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Là đảng viên	IS_DANG_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Số số bảo hiểm xã hội	SO_SO BHXH	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã nhóm cán bộ	MA_NHOM_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã loại cán bộ	MA_LOAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã hình thức hợp đồng	MA_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Ngày tuyển dụng	NGAY TUYEN_DUNG	Date		10
		Cơ quan tuyển dụng	CO QUAN TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Nghề nghiệp khi được tuyển	NGHE_NGHIEP_KHI_DUOC_TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã số ngạch/hạng	MA_SO_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã môn dạy	MA_MON_DAY	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã môn kiểm nhiệm	MA_MON_KIEM_NHIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã tiếng dân tộc	MA_TIENG_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Số tiết thực dạy trên tuần	SO_TIET_THUC_DAY_TUAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Số tiết thực kiểm nhiệm trên tuần	SO_TIET_THUC_KIEM_NHIEM_TUAN	Số nguyên	Integer	20
				Số nguyên	Integer	20

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Có được tập huấn kỹ năng sống	IS_TAP_HUAN_KY_NANG_SO_NG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy lớp khuyết tật	IS_DAY_LOP_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 1 buổi / ngày	IS_DAY_1_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ ngày	IS_DAY_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chuyên trách đoàn đội	IS_CHUYEN_TRACH_DOAN_DOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có tham gia chương trình bồi dưỡng	IS_THAM_GIA_CHUONG_TRI_NH_BOI_DUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Phụ cấp thu hút	PC_THU_HUT	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp thâm niên	PC_THAM_NIEN	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp ưu đãi nghề	PC_UD_NGHE	Số thập phân	Decimal	20
		Mã bậc lương	MA_BAC_LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phần trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thập phân	Decimal	10
		Hệ số lương	HE_SO_LUONG	Số thực	Float	10
		Ngày hưởng lương	NGAY_HUONG_LUONG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã bồi dưỡng thường xuyên	MA_BOI_DUONG_TX	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ chuyên môn	MA_TRINH_DO_CHUYEN_MON	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã trình độ lý luận chính trị	MA_TRINH_DO_LLCT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ quản lý giáo dục	MA_TRINH_DO_QLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Mã trình độ tin học	MA_TRINH_DO_TIN_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 1	MA_CHUYEN_MON_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 1	MA_TRINH_DO_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 2	MA_CHUYEN_MON_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 2	MA_TRINH_DO_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã kết quả chuẩn nghề nghiệp	MA_KET_QUA_CHUAN_NGH_E_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã đánh giá viên chức	MA_DG_VIEN_CHUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã giáo viên giỏi	MA_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh hiệu được phong tặng cao nhất	DANH_HIEU_DUOC_PHONG_TANG_CAO_NHAT	Chuỗi ký tự	String	200
		Được tuyển mới	IS_TUYEN_MOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Ngày chuyển đến	NGAY_CHUYEN_DEN		Date	
				Ngày tháng		10
						Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Năm vào trường	NAM_VAO_TRUONG	Số nguyên	Integer	4
		Danh sách nhiệm vụ kiểm nhiệm	NHIEM_VU_KIEM_NHIEMS	Tham chiếu GVMN.2.1		
		Danh sách quá trình lương	NHAN_SU_QUA_TRINH_LUO NGS	Tham chiếu GVMN.2.2		
		Danh sách quá trình đào tạo bồi dưỡng	NHAN_SU_QUA_TRINH_DAO TAO_BOI_DUONGS	Tham chiếu GVMN.2.3		
		Danh sách nhân sự quá trình ngoại ngữ	NHAN_SU_QUA_TRINH_NGO AI_NGUS	Tham chiếu GVMN.2.4		
		Danh sách nhân sự khen thưởng	NHAN_SU_KHEN_THUONGS	Tham chiếu GVMN.2.5		
		Danh sách nhân sự kỷ luật	NHAN_SU_KY_LUATS	Tham chiếu GVMN.2.6		

10. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
GVC2.1.1	Thông tin chung						
		Mã trung tâm	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
		Mã	MA	Chuỗi ký tự	String	20	
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String		Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
		Ngày sinh	NGAY_SINH		Date	250	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã giới tính	MA_GIOI_TINH	Ngày tháng	Enumeration	10	DMDC
		Mã trạng thái cán bộ	MA_TRANG_THAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Số chứng minh thư nhân dân	SO_CMTND	Danh mục liệt kê	Enumeration		
		Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	String	20	
		Số di động	DI_DONG	Chuỗi ký tự	String	50	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Chuỗi ký tự	String	20	
				Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã tôn giáo	MA_TON_GIAO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Quê quán	QUE_QUAN	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Là đảng viên	IS_DANG_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Số sổ bảo hiểm xã hội	SO_SO_BHXH	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã nhóm cán bộ	MA_NHOM_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã loại cán bộ	MA_LOAI_CAN_BO	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã hình thức hợp đồng	MA_HINH_THUC_HOP_DONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Ngày tuyển dụng	NGAY TUYEN_DUNG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT TT
		Cơ quan tuyển dụng	CO QUAN TUYEN_DUNG	Ngày tháng	String	10
		Nghề nghiệp khi được tuyển	NGHE_NGHIEP_KHI_DUOC_TUYEN_DUNG	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã ngạch/hạng	MA_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã số ngạch/hạng	MA_SO_NGACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã môn dạy	MA_MON_DAY	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã môn kiểm nhiệm	MA_MON_KIEM_NHIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã tiếng dân tộc	MA_TIENG_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Số tiết thực dạy trên tuần	SO_TIET_THUC_DAY_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Số tiết thực kiểm nhiệm trên tuần	SO_TIET_THUC_KIEM_NHIE_M_TUAN	Số nguyên	Integer	20
		Có được tập huấn kỹ năng sống	IS_TAP_HUAN_KY_NANG_SO_NG	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy lớp khuyết tật	IS_DAY_LOP_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 1 buổi / ngày	IS_DAY_1_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có dạy 2 buổi/ ngày	IS_DAY_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có chuyên trách đoàn đội	IS_CHUYEN_TRACH_DOAN_DOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Phụ cấp thu hút	PC_THU_HUT	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp thâm niên	PC_THAM_NIEN	Số thập phân	Decimal	20
		Phụ cấp ưu đãi nghề	PC_UD_NGHE	Số thập phân	Decimal	20
		Mã bậc lương	MA_BAC_LUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phần trăm vượt khung	PHAN_TRAM_VUOT_KHUNG	Số thập phân	Decimal	10
		Hệ số lương	HE_SO_LUONG	Số thực	Float	10
		Ngày hưởng lương	NGAY_HUONG_LUONG		Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Mã bồi dưỡng thường xuyên	MA_BOI_DUONG_TX	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã trình độ chuyên môn	MA_TRINH_DO_CHUYEN_MON	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã trình độ lý luận chính trị	MA_TRINH_DO_LLCT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ quản lý giáo dục	MA_TRINH_DO_QLGD	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã ngoại ngữ	MA_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ ngoại ngữ	MA_TRINH_DO_NGOAI_NGU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10
		Mã trình độ tin học	MA_TRINH_DO_TIN_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 1	MA_CHUYEN_MON_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 1	MA_TRINH_DO_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã chuyên môn 2	MA_CHUYEN_MON_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã trình độ 2	MA_TRINH_DO_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã kết quả chuẩn nghề nghiệp	MA_KET_QUA_CHUAN_NGH_E_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã đánh giá viên chức	MA_DG_VIEN_CHUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã giáo viên giỏi	MA_GIAO_VIEN_GIOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh hiệu được phong tặng cao nhất	DANH_HIEU_DUOC_PHONG_TANG_CAO_NHAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã loại giáo viên giảng dạy văn hóa	MA_LOAI_GV_GIANG_DAY_VAN_HOA	Chuỗi ký tự	String	200
		Danh sách nhiệm vụ kiêm nhiệm	NHIEM_VU_KIEM_NHIEMS	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Danh sách quá trình lương	NHAN_SU_QUA_TRINH_LUO_NGS	Tham chiếu GVMN.2.1 Tham chiếu GVMN.2.2		

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Danh sách quá trình đào tạo bồi dưỡng	NHAN_SU_QUA_TRINH_DAO_TAO_BOI_DUONGS	Tham chiếu GVMN.2.3		
		Danh sách nhân sự quá trình ngoại ngữ	NHAN_SU_QUA_TRINH_NGO_AI_NGUS	Tham chiếu GVMN.2.4		
		Danh sách nhân sự khen thưởng	NHAN_SU_KHEN_THUONGS	Tham chiếu GVMN.2.5		
		Danh sách nhân sự kỷ luật	NHAN_SU_KY_LUATS	Tham chiếu GVMN.2.6		

11. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Lớp mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
LOPMN.1.1	Thông tin chung						
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã lớp		MA	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã nhóm tuổi mầm non		MA_NHOM_TUOI_MN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã điểm trường		MA_DIEM_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
	Tên lớp		TEN	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã giáo viên chủ nhiệm		MA_GIAO_VIEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Có dạy 2 buổi/ ngày		IS_DAY_2_BUOI_NGAY	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp ghép 2 tuổi		IS_LOP_GHEP_2_TUOI	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp ghép 3 tuổi		IS_LOP_GHEP_3_TUOI	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp bán trú		IS_BAN_TRU	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp có trẻ khuyết tật		IS_LOP_CO_TRE_KHUYET_TAT	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp có chương trình mầm non mới?		IS_CTGDMN_MOI	Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp có chương trình chăm sóc giáo dục		IS_CT_CSGD	Chuỗi ký tự	String	1	
	Số thứ tự		THU_TU	Số nguyên	Integer	10	
	Là lớp ghép 4 tuổi		IS_LOP_GHEP_4_TUOI	Chuỗi ký tự	String	1	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp mầm non							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Là lớp ghép	IS LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Mã lớp ghép	MA_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	20	
		Có cập nhật lớp ghép	IS_CAP_NHAT_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Mã học bán trú	MA_HOC_BAN_TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Phân công môn học	MON_HOCS	Tham chiếu LOPMN.2.1			
Cấp độ: Cấp 2							
LOPMN.2.1	Thông tin phân công môn học						
	Mã môn học		MA_MON_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Học kỳ		HOC_KY	Số nguyên	Integer	1	
	Mã giáo viên		MA_GIAO_VIEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

12. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Lớp tiểu học

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp tiểu học							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
L O P C 1.1.1	Thông tin chung						
	Mã trường	MA_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã lớp	MA		Chuỗi ký tự	String	20	
	Tên lớp	TEN		Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã giáo viên chủ nhiệm	MA_GIAO_VIEN		Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã khối	MA_KHOI		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã điểm trường	MA_DIEM_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã danh mục tiết học	MA_DANH_MUC_TIET_HOC		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã danh mục ngoại ngữ 1	MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_1		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã danh mục ngoại ngữ 2	MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_2		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã số tiết ngoại ngữ	MA_SO_TIET_NGOAI_NGU		Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Dạy 2 buổi / ngày	IS_DAY_2_BUOI_NGAY		Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp ghép	IS_LOP_GHEP		Chuỗi ký tự	String	1	
	Mã lớp ghép	MA_LOP_GHEP		Chuỗi ký tự	String	20	
	Có cập nhật lớp ghép	IS_CAP_NHAT_LOP_GHEP		Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp bán trú	IS_BAN_TRU		Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp VNEN	IS_VNEN		Chuỗi ký tự	String	1	
	Là lớp chuyên biệt	IS_LOP_CHUYEN_BIET		Chuỗi ký tự	String	1	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Là lớp học 5 buổi / tuần	IS_HOC_5_BUOI_TUAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là lớp học 6-8 buổi / tuần	IS_HOC_6_8_BUOI_TUAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là lớp học 9-10 buổi / tuần	IS_HOC_9_10_BUOI_TUAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Đủ TBDH - Tiếng Việt	IS_TBDH_TVJET	Chuỗi ký tự	String	1
		Đủ TBDH - Toán	IS_TBDH_TOAN	Chuỗi ký tự	String	1
		Có đại diện cha mẹ học sinh lớp	IS_DAI_DIEN_CHA_ME_LOP	Chuỗi ký tự	String	1
		Có đại diện cha mẹ học sinh trường	IS_DAI_DIEN_CHA_ME_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Số thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10
		Mã học bán trú	MA_HOC_BAN_TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TUAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Phân công môn học	MON_HOCS	Tham chiếu LOPMN.2.1		

13. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Lớp trung học cơ sở

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp trung học cơ sở										
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả			
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh					
Cấp độ: Cấp 1										
LOPC2.1.1	Thông tin chung									
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20				
	Mã lớp		MA	Chuỗi ký tự	String	20				
	Tên lớp		TEN	Chuỗi ký tự	String	20				
	Mã giáo viên chủ nhiệm		MA_GIAO_VIEN	Chuỗi ký tự	String	20				
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC			
	Mã điểm trường		MA_DIEM_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20				
	Mã danh mục ngoại ngữ 1		MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC			
	Mã danh mục ngoại ngữ 2		MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC			
	Dạy 2 buổi / ngày		IS_DAY_2_BUOI_NGAY	Chuỗi ký tự	String	1				
	Là lớp ghép		IS_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1				
	Mã lớp ghép		MA_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	20				
	Có cập nhật lớp ghép		IS_CAP_NHAT_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1				
	Là lớp bán trú		IS_BAN_TRU	Chuỗi ký tự	String	1				
	Là lớp VNEN		IS_VNEN	Chuỗi ký tự	String	1				
	Là lớp học 5 buổi / tuần		IS_HOC_5_BUOI_TUAN	Chuỗi ký tự	String	1				
	Có học sinh học nghề		IS_CO_HOC_SINH_HOC_NGHE	Chuỗi ký tự	String	1				

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp trung học cơ sở							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Số thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10	
		Mã học bản trú	MA_HOC_BAN_TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TU AN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Phân công môn học	MON_HOCS	Tham chiếu LOPMN.2.1			

14. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Lớp trung học phổ thông

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
LOPC3.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã lớp		MA	Chuỗi ký tự	String	20
	Tên lớp		TEN	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã giáo viên chủ nhiệm		MA_GIAO_VIEN	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã phân ban		MA_PHAN_BAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã hệ chuyên		MA_HE_CHUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã điểm trường		MA_DIEM_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã danh mục ngoại ngữ 1		MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_1	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã danh mục ngoại ngữ 2		MA_DANH_MUC_NGOAI_NG_U_2	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Dạy 2 buổi / ngày		IS_DAY_2_BUOI_NGAY	Chuỗi ký tự	String	1
	Là lớp chuyên		IS_LOP_CHUYEN	Chuỗi ký tự	String	1
	Là lớp ghép		IS_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1
	Mã lớp ghép		MA_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	20
	Có cập nhật lớp ghép		IS_CAP_NHAT_LOP_GHEP	Chuỗi ký tự	String	1
	Là lớp VNEN		IS_VNEN	Chuỗi ký tự	String	1
	Là lớp học 5 buổi / tuần		IS_HOC_5_BUOI_TUAN	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp trung học phổ thông							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Có học sinh học nghề	IS_CO_HOC_SINH_HOC_NGH_E	Chuỗi ký tự	String	1	
		Số thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10	
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TU_AN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Phân công môn học	MON_HOCS	Tham chiếu LOPMN.2.1			

15. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Lớp giáo dục thường xuyên

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Lớp giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
LOGDGT X.1.1	Thông tin chung					
	Mã trung tâm	MA_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã lớp	MA		Chuỗi ký tự	String	20
	Tên lớp	TEN		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã giáo viên chủ nhiệm	MA_GIAO_VIEN		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối	MA_KHOI		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã kiểu lớp	MA_KIEU_LOP		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã hình thức đào tạo học tập	MA_HINH_THUC_DAO_TAO_HOC_TAP		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp đào tạo bồi dưỡng	MA_LOP_DAO_TAO_BOI_DUONG		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp hướng nghiệp dạy nghề	MA_LOP_HUONG_NGHIEP_DAY_AY_NGHE		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Số thứ tự	THU_TU		Số nguyên	Integer	10
	Phân công môn học	MON_HOCS		Tham chiếu LOPMN.2.1		

16. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Học sinh mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
HSMN.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã		MA	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150 Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10 Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
	Mã giới tính		MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã trạng thái hiện tại		MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lý do thôi học		MA_LY_DO_THOI_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã dân tộc		MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Tên dân tộc theo giấy khai sinh	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	Chuỗi ký tự	String	50
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã công dân	MA_CONG_DAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Nơi cấp	NOI_CAP	Chuỗi ký tự	String	250
		Ngày cấp	NGAY_CAP	String	String	10
		Nơi sinh	NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã quốc tịch	MA_QUOC_TICH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã loại khuyết tật	MA_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA	Chuỗi ký tự	String	1
		Học 2 buổi	IS_HOC_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Là học sinh lớp bán trú	IS_HOC_SINH_LOP_BTRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Thôn xóm	THON_XOM	Chuỗi ký tự	String	250
		Tên cha	TEN_CHA	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp cha	NGHE_NGHIEP_CHA	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh cha	NAM_SINH_CHA	Số nguyên	Integer	4
		Tên mẹ	TEN_ME	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp mẹ	NGHE_NGHIEP_ME	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh mẹ	NAM_SINH_ME	Số nguyên	Integer	4

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Tên người đỡ đầu	TEN_NGUYEN_DD	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp người đỡ đầu	NGHE_NGHIEP_NGUYEN_DD	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh người đỡ đầu	NAM_SINH_NGUYEN_DO_DAU	Số nguyên	Integer	4
		Điện thoại liên hệ	DIEN_THOAI_LIEN_HE	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã diện chính sách	MA_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Thuộc hộ nghèo	IS_HO_NGHEO	Chuỗi ký tự	String	1
		Cha dân tộc	IS_CHA_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Mẹ dân tộc	IS_ME_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Thuộc vùng khó khăn	IS_VUNG_KK	Chuỗi ký tự	String	1
		Số thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10
		Miễn học phí	IS_MIEN_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Giảm học phí	IS_GIAM_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ chi phí học tập	IS_HO_TRO_CHI_PHI_HOC_TAP	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ ăn trưa	IS_HO_TRO_AN_TRUA	Chuỗi ký tự	String	1
		Tuyển mới mầm non	IS TUYEN MOI MN	Chuỗi ký tự	String	1
		Học bán trú	MA_HOC BAN TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

17. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Học sinh tiểu học

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
HSC1.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường	MA_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối	MA_KHOI		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã lớp	MA_LOP		Chuỗi ký tự	String	20
	Mã	MA		Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên	HO_TEN		Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT
	Tên viết tắt	TEN_TAT		Chuỗi ký tự	String	150
	Ngày sinh	NGAY_SINH		Ngày tháng	Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT TT
	Mã giới tính	MA_GIOI_TINH		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã trạng thái hiện tại	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lý do thôi học	MA_LY_DO_THOI_HOC		Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Điện thoại liên hệ	DIEN_THOAI_LIEN_HE		Chuỗi ký tự	String	20

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Tên dân tộc theo giấy khai sinh	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	Chuỗi ký tự	String	
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Thôn xóm	THON_XOM	Chuỗi ký tự	String	250
		Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	250
		Thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10
		Nơi sinh	NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã quốc tịch	MA_QUOC_TICH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã loại khuyết tật	MA_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã công dân	MA_CONG_DAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Nơi cấp	NOI_CAP	Chuỗi ký tự	String	150
		Ngày cấp	NGAY_CAP	Ngày cấp	Date	QCVN 102:2016/ 10 BTTTT
		Là đội viên	IS_DOI_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh học tiếng dân tộc	IS_HOC_SINH_TIENG_DAN_TOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Học 2 buổi	IS_HOC_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học song ngữ	IS_HOC_SONG_NGU	Chuỗi ký tự	String	1
		Kỹ năng sống	IS_KY_NANG_SONG	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Học sinh bán trú dân nuôi	IS_HOC_SINH_BAN_TRU_DA N_NUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh nội trú dân nuôi	IS_HOC_SINH_NOI_TRU_DAN NUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh lớp bán trú	IS_HOC_SINH_LOP_BTRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_D ANH_GIA	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh phổ thông dân tộc bán trú	IS_HOC_SINH_PT_DT_BAN_T RU	Chuỗi ký tự	String	1
		Nhu cầu hỗ ngoại ngữ	IS_NHU_CAU_HO_TRO_NNG U	Chuỗi ký tự	String	1
		Tăng cường tiếng việt	IS_TANG_CUONG_TVIE	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh dân tộc trợ giảng	IS_HOC_SINH_DT_TRO_GIAN G	Chuỗi ký tự	String	1
		Tên cha	TEN_CHA	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp cha	NGHE_NGHIEP_CHA	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh cha	NAM_SINH_CHA	Số nguyên	Integer	4
		Tên mẹ	TEN_ME	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp mẹ	NGHE_NGHIEP_ME	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh mẹ	NAM_SINH_ME	Số nguyên	Integer	4
		Tên người đỡ đầu	TEN_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp người đỡ đầu	NGHE_NGHIEP_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh người đỡ đầu	NAM_SINH_NGUOI_DO_DAU	Số nguyên	Integer	4
		Mã diện chính sách	MA_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Lưu ban năm trước	IS_LUU_BAN_NAM_TRUOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Cha dân tộc	IS_CHA_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Mẹ dân tộc	IS_ME_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Hộ nghèo	IS_HO_NGHEO	Chuỗi ký tự	String	1
		Vùng khó khăn	IS_VUNG_KK	Chuỗi ký tự	String	1
		Miền học phí	IS_MIEN_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Giảm học phí	IS_GIAM_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ chi phí học tập	IS_HO_TRO_CHI_PHI_HOC_TAP	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ nhà ở	IS_HO_TRO_NHA_O	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp tiền hàng tháng	IS_CAP_TIEN_HANG_THANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp gạo	IS_CAP_GAO	Chuỗi ký tự	String	1
		Học mẫu giáo 5 tuổi	IS_HOC_LOP_MG_5T	Chuỗi ký tự	String	1
		Học chương trình GD của bộ	IS_HOC_CTGD_CUA_BO	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã học bán trú	MA_HOC_BAN_TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TUAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20

18. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Học sinh trung học cơ sở

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học cơ sở								
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả	
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh			
Cấp độ: Cấp 1								
HSC2.1.1	Thông tin chung							
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20		
		Mã khối	MA_KHOI	Chuỗi ký tự	String	20		
		Mã lớp	MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20		
		Mã	MA	Chuỗi ký tự	String	20		
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT	
		Tên viết tắt	TEN_TAT	Chuỗi ký tự	String	150		
		Ngày sinh	NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT	
		Mã giới tính	MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã trạng thái hiện tại	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Mã lý do thôi học	MA_LY_DO_THOI_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC	
		Điện thoại liên hệ	DIEN_THOAI_LIEN_HE	Chuỗi ký tự	String	20		

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Tên dân tộc theo giấy khai sinh	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	Chuỗi ký tự	String	50
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Thôn xóm	THON_XOM	Chuỗi ký tự	String	250
		Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	250
		Thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10
		Nơi sinh	NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã quốc tịch	MA_QUOC_TICH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã loại khuyết tật	MA_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã lớp hướng nghiệp dạy nghề	MA_LOP_HUONG_NGHIEP_DAY_NGHE	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã công dân	MA_CONG_DAN	Chuỗi ký tự	String	20
		Nơi cấp	NOI_CAP	Chuỗi ký tự	String	150
		Ngày cấp	NGAY_CAP	Ngày tháng	String	10
		Là đội viên	IS_DOI_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh học tiếng dân tộc	IS_HOC_SINH_TIENG_DAN_TOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Học 2 buổi	IS_HOC_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học song ngữ	IS_HOC_SONG_NGU	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Kỹ năng sống	IS_KY_NANG_SONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh bán trú dân nuôi	IS_HOC_SINH_BAN_TRU_DAN_N_NUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh nội trú dân nuôi	IS_HOC_SINH_NOI_TRU_DAN_NUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh lớp bán trú	IS_HOC_SINH_LOP_BTRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_GIA_ANH_GIA	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh phổ thông dân tộc bán trú	IS_HOC_SINH_PT_DT_BAN_TRU	Chuỗi ký tự	String	1
		Tên cha	TEN_CHA	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp cha	NGHE_NGHIEP_CHA	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh cha	NAM_SINH_CHA	Số nguyên	String	4
		Tên mẹ	TEN_ME	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp mẹ	NGHE_NGHIEP_ME	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh mẹ	NAM_SINH_ME	Số nguyên	String	4
		Tên người đỡ đầu	TEN_NGUYOI_DD	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp người đỡ đầu	NGHE_NGHIEP_NGUYOI_DD	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh người đỡ đầu	NAM_SINH_NGUYOI_DO_DAU	Số nguyên	Integer	4
		Diện chính sách	MA_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Lưu ban năm trước	IS_LUU_BAN_NAM_TRUOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Cha dân tộc	IS_CHA_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Mẹ dân tộc	IS_ME_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Hộ nghèo	IS_HO_NGHEO	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Vùng khó khăn	IS VUNG_KK	Chuỗi ký tự	String	1
		Miễn học phí	IS MIEN_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Giảm học phí	IS GIAM_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ chi phí học tập	IS HO_TRO_CHI_PHI_HOC_TAP	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ nhà ở	IS HO_TRO_NHA_O	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp tiền hàng tháng	IS CAP_TIEN_HANG_THANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp gạo	IS CAP_GAO	Chuỗi ký tự	String	1
		Học chương trình GD của bộ	IS_HOC_CTGD_CUA_BO	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã học bán trú	MA_HOC_BAN_TRU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TUAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20

19. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Học sinh trung học phổ thông

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học phổ thông									
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả		
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh				
Cấp độ: Cấp 1									
HSC3.1.1	Thông tin chung								
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20			
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC		
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20			
	Mã		MA	Chuỗi ký tự	String	20			
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT		
	Tên viết tắt		TEN_TAT	Chuỗi ký tự	String	150			
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT		
	Mã giới tính		MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC		
	Mã trạng thái hiện tại		MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC		
	Mã lý do thôi học		MA_LY_DO_THOI_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC		
	Điện thoại liên hệ		DIEN_THOAI_LIEN_HE	Chuỗi ký tự	String	20			

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học phổ thông							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Tên dân tộc theo giấy khai sinh	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	Chuỗi ký tự	String	50	
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Thôn xóm	THON_XOM	Chuỗi ký tự	String	250	
		Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	250	
		Thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10	
		Nơi sinh	NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	250	
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã quốc tịch	MA_QUOC_TICH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã loại khuyết tật	MA_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã lớp hướng nghiệp dạy nghề	MA_LOP_HUONG_NGHIEP_DAY_NGHE	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
		Mã công dân	MA_CONG_DAN	Chuỗi ký tự	String	20	
		Nơi cấp	NOI_CAP	Chuỗi ký tự	String	150	
		Ngày cấp	NGAY_CAP	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/BTTTT
		Là đội viên	IS_DOI_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1	
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Học sinh học tiếng dân tộc	IS_HOC_SINH_TIENG_DAN_T OC	Chuỗi ký tự	String	1
		Học 2 buổi	IS_HOC_2_BUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Học song ngữ	IS_HOC_SONG_NGU	Chuỗi ký tự	String	1
		Kỹ năng sống	IS_KY_NANG_SONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Học sinh bán trú dân nuôi	IS_HOC_SINH_BAN_TRU_DA N_NUOI	Chuỗi ký tự	String	1
		Khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_D ANH_GIA	Chuỗi ký tự	String	1
		Tên cha	TEN_CHA	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp cha	NGHE_NGHIEP_CHA	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh cha	NAM_SINH_CHA	Số nguyên	Integer	4
		Tên mẹ	TEN_ME	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp mẹ	NGHE_NGHIEP_ME	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh mẹ	NAM_SINH_ME	Số nguyên	Integer	4
		Tên người đỡ đầu	TEN_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp người đỡ đầu	NGHE_NGHIEP_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh người đỡ đầu	NAM_SINH_NGUOI_DO_DAU	Số nguyên	Integer	4
		Mã diện chính sách	MA_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Lưu ban năm trước	IS_LUU_BAN_NAM_TRUOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Cha dân tộc	IS_CHA_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Mẹ dân tộc	IS_ME_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Hộ nghèo	IS_HO_NGHEO	Chuỗi ký tự	String	1
		Vùng khó khăn	IS_VUNG_KK	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Miền học phí	IS_MIEN_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Giảm học phí	IS_GIAM_HOC_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ chi phí học tập	IS_HO_TRO_CHI_PHI_HOC_TAP	Chuỗi ký tự	String	1
		Hỗ trợ nhà ở	IS_HO_TRO_NHA_O	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp tiền hàng tháng	IS_CAP_TIEN_HANG_THANG	Chuỗi ký tự	String	1
		Cấp gạo	IS_CAP_GAO	Chuỗi ký tự	String	1
		Học chương trình GD của bộ	IS_HOC_CTGD_CUA_BO	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã số buổi học trên tuần	MA_SO_BUOI_HOC_TREN_TUAN	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
			AN			DMDC

20. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Học sinh giáo dục thường xuyên

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
HSGDTX.1.1	Thông tin chung					
	Mã trung tâm		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã		MA	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT 150
	Tên viết tắt		TEN_TAT	Chuỗi ký tự	String	150
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT TT 10
	Mã giới tính		MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã trạng thái hiện tại		MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lý do thôi học		MA_LY_DO_THOI_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Điện thoại liên hệ		DIEN_THOAI_LIEN_HE	Chuỗi ký tự	String	20

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã dân tộc	MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Tên dân tộc theo giấy khai sinh	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	Chuỗi ký tự	String	50
		Mã tỉnh	MA_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã huyện	MA_HUYEN	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã xã	MA_XA	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Thôn xóm	THON_XOM	Chuỗi ký tự	String	250
		Chỗ ở hiện nay	CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	250
		Số thứ tự	THU_TU	Số nguyên	Integer	10
		Nơi sinh	NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	250
		Mã khu vực	MA_KHU_VUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã quốc tịch	MA_QUOC_TICH	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã loại khuyết tật	MA_LOAI_KHUYET_TAT	Danh mục liệt kê	Enumeration	DMDC
		Mã công dân	MA_CONG_DAN	Chuỗi ký tự	String	20
		Nơi cấp	NOI_CAP	Chuỗi ký tự	String	150
		Ngày cấp	NGAY_CAP	Ngày tháng	Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
		Là đội viên	IS_DOI_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Là đoàn viên	IS_DOAN_VIEN	Chuỗi ký tự	String	1
		Khuyết tật không đánh giá	IS_KHUYET_TAT_KHONG_DANH_GIA	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Học sinh giáo dục thường xuyên						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Tên cha	TEN_CHA	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp cha	NGHE_NGHIEP_CHA	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh cha	NAM_SINH_CHA	Số nguyên	Integer	4
		Tên mẹ	TEN_ME	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp mẹ	NGHE_NGHIEP_ME	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh mẹ	NAM_SINH_ME	Số nguyên	Integer	4
		Tên người đỡ đầu	TEN_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	150
		Nghề nghiệp người đỡ đầu	NGHE_NGHIEP_NGUOI_DD	Chuỗi ký tự	String	250
		Năm sinh người đỡ đầu	NAM_SINH_NGUOI_DO_DAU	Số nguyên	Integer	4
		Mã diện chính sách	MA_DIEN_CHINH_SACH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Lưu ban năm trước	IS_LUU_BAN_NAM_TRUOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Cha dân tộc	IS_CHA_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Mẹ dân tộc	IS_ME_DT	Chuỗi ký tự	String	1
		Vùng khó khăn	IS_VUNG_KK	Chuỗi ký tự	String	1
		Mã hình thức học tập	MA_HINH_THUC_HOC_TAP	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
						DMDC

21. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả học tập mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
KQHTMN.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150 Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Ngày sinh		NGAY_SINH			Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
	Học kỳ		HOC_KY	Ngày tháng	Date	10
	Có khám sức khỏe định kỳ		IS_KHAM_SUC_KHOE_DINH_KY	Chuỗi ký tự	String	1
	Có theo dõi biểu đồ cân nặng		IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CAN_NANG	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã tăng trường cân nặng	MA_KENH_TANG_TRUONG_CAN_NANG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
		Theo dõi biểu đồ chiều cao	IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CHI_EU_CAO	Chuỗi ký tự	String	1
		Suy dinh dưỡng thấp còi	IS_SUY DINH DUONG_THE_THAP_COI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có ỉa chảy hô hấp	IS_PHOI_IA_CHAY_HO_HAP	Chuỗi ký tự	String	1
		Có béo phì	IS_BEO_PHI	Chuỗi ký tự	String	1
		Có làm quen tin học	IS_LAM_QUEN TIN_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
						DMDC

22. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả học tập tiểu học

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
KQHTC1.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150 Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10 Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
	Thời điểm đánh giá		GIAI_DOAN	Chuỗi ký tự	String	20
	Thành tích đặc biệt		THANH_TICH_DAC_BIET	Chuỗi ký tự	String	255
	Mã danh hiệu		MA_DANH_HIEU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Nội dung khen thưởng		NOI_DUNG_KHEN_THUONG	Chuỗi ký tự	String	255

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập tiểu học						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Khen thưởng cuối năm	IS_KHEN_THUONG_CUOI_NA_M	Chuỗi ký tự	String	1
		Khen thưởng đột xuất	IS_KHEN_THUONG_DOT_XU_AT	Chuỗi ký tự	String	1
		Hoàn thành chương trình lớp học	IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_LOP_HOC	Chuỗi ký tự	String	1
		Lên lớp	IS_LEN_LOP	Chuỗi ký tự	String	1
		Rèn luyện lại	IS_REN_LUYEN_LAI	Chuỗi ký tự	String	1
		Lý do rèn luyện lại	LY_DO_REN_LUYEN_LAI	Chuỗi ký tự	String	255
		Gửi hiệu trưởng cho lên lớp	IS_GUI_HIEU_TRUONG_CHO_LEN_LOP	Chuỗi ký tự	String	1
		Tiếng việt đánh giá thường xuyên	TV_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1
		Tiếng việt điểm	TV_DIEM	Số thập phân	Decimal	10
		Toán đánh giá thường xuyên	TO_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1
		Toán điểm	TO_DIEM	Số thập phân	Decimal	10
		Tự nhiên xã hội đánh giá thường xuyên	TX_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1
		Tự nhiên xã hội điểm	TX_DIEM	Số thập phân	Decimal	10
		Ngoại ngữ đánh giá thường xuyên	NN_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1
		Ngoại ngữ điểm	NN_DIEM	Số thập phân	Decimal	10
		Tin học đánh giá thường xuyên	TH_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập tiểu học

Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Tin học điểm	TH_DIEM	Số thập phân	Decimal	10	
		Tiếng dân tộc đánh giá thường xuyên	DT_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Tiếng dân tộc điểm	DT_DIEM	Số thập phân	Decimal	10	
		Đạo đức đánh giá thường xuyên	DD_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Âm nhạc điểm	AN_DGTX	Chuỗi ký tự	String	10	
		Mỹ thuật đánh giá thường xuyên	MT_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Thủ công điểm	TC_DGTX	Số thập phân	Decimal	10	
		Thể dục đánh giá thường xuyên	TD_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Khoa học đánh giá thường xuyên	KH_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Khoa học điểm	KH_DIEM	Số thập phân	Decimal	10	
		Lịch sử và địa lý đánh giá thường xuyên	LD_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Lịch sử và địa lý điểm	LD_DIEM	Số thập phân	Decimal	10	
		Kỹ thuật đánh giá thường xuyên	KT_DGTX	Chuỗi ký tự	String	1	
		Kỹ thuật điểm	KT_DIEM	Số thập phân	Decimal	10	
		Năng lực tự phục vụ tự quản	NL_TPVTQ	Chuỗi ký tự	String	1	
		Năng lực hợp tác	NL_HT	Chuỗi ký tự	String	1	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập tiểu học							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Năng lực tự học và giải quyết vấn đề	NL_THGQVD	Chuỗi ký tự	String	1	
		Phẩm chất chăm học chăm làm	PC_CHCL	Chuỗi ký tự	String	1	
		Phẩm chất tự tin trách nhiệm	PC_TTTN	Chuỗi ký tự	String	1	
		Phẩm chất trung thực kỷ luật	PC_TTKL	Chuỗi ký tự	String	1	
		Phẩm chất đoàn kết yêu thương	PC_DKYT	Chuỗi ký tự	String	1	
		Ghi chú	GHI_CHU	Chuỗi ký tự	String	250	

23. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả học tập trung học cơ sở

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập trung học cơ sở							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
KQHTC2.1.1	Thông tin chung						
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20	
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	10	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
	Học kỳ		HOC_KY	Chuỗi ký tự	String	1	
	Điểm tổng kết		DIEM_TONG_KET		String	4	
	Mã học lực		MA_HOC_LUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã hạnh kiểm		MA_HANH_KIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã danh hiệu		MA_DANH_HIEU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập trung học cơ sở						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Số ngày nghỉ	SO NGÀY NGHỈ	Chuỗi ký tự	String	10
		Nhận xét	NHAN XET	Chuỗi ký tự	String	255
		Khen thưởng	KHEN THUONG	Chuỗi ký tự	String	255
		Kỷ luật	KY LUAT	Chuỗi ký tự	String	255
		Được lên lớp	IS LEN LOP	Chuỗi ký tự	String	1
		Rèn luyện lại	IS REN LUYEN LAI	Chuỗi ký tự	String	1
		Dự xét tốt nghiệp	IS DU XET TOT NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1
		Tốt nghiệp	IS TOT NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1
		Danh sách điểm môn	DIEM_MONS	Tham chiếu KQHTC2.2.1		
Cấp độ: Cấp 2						
KQHTC2.2.1	Điểm môn					
	Mã môn học		MA_MON_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Điểm		DIEM	Số thập phân	Decimal	

24. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả học tập trung học phổ thông

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập trung học phổ thông						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
KQHTC3.1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Ngày sinh		NGAY_SINH			Tham chiếu QCVN 102:2016/ BTTTT
	Học kỳ		HOC_KY	Ngày tháng	Date	10
	Điểm tổng kết		DIEM_TONG_KET	Chuỗi ký tự	String	1
	Mã học lực		MA_HOC_LUC	Số thập phân	Decimal	4
	Mã hạnh kiểm		MA_HANH_KIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã danh hiệu		MA_DANH_HIEU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập trung học phổ thông							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Số ngày nghỉ	SO NGÀY NGHỈ	Số nguyên	Integer	10	
		Nhận xét	NHAN XET	Chuỗi ký tự	String	255	
		Khen thưởng	KHEN THUONG	Chuỗi ký tự	String	255	
		Kỷ luật	KY LUAT	Chuỗi ký tự	String	255	
		Được lên lớp	IS LEN LOP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Rèn luyện lại	IS REN LUYEN LAI	Chuỗi ký tự	String	1	
		Dự xét tốt nghiệp	IS DU XET TOT NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Tốt nghiệp	IS TOT NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Danh sách điểm môn	DIEM_MONS	Tham chiếu			
				KQHTC2.2.1			

25. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả học tập giáo dục thường xuyên

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập giáo dục thường xuyên							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp độ: Cấp 1							
KQHTGD TX.1.1	Thông tin chung						
	Mã trung tâm		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20	
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20	
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	150	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT/TT
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Chuỗi ký tự	String	10	
	Học kỳ		HOC_KY	Chuỗi ký tự	String	1	
	Điểm tổng kết		DIEM_TONG_KET	Số thập phân	Decimal	4	
	Mã học lực		MA_HOC_LUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã hạnh kiểm		MA_HANH_KIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Mã danh hiệu		MA_DANH_HIEU	Danh mục liệt kê	Enumeration	20	DMDC
	Số ngày nghỉ		SO_NGAY_NGHI	Số nguyên	Integer	10	
	Nhận xét		NHAN_XET	Chuỗi ký tự	String	255	
	Khen thưởng		KHEN_THUONG	Chuỗi ký tự	String	255	
	Kỷ luật		KY_LUAT	Chuỗi ký tự	String	255	

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả học tập giáo dục thường xuyên							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Được lên lớp	IS_LEN_LOP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Rèn luyện lại	IS_REN_LUYEN_LAI	Chuỗi ký tự	String	1	
		Dự xét tốt nghiệp	IS_DU_XET_TOT_NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Tốt nghiệp	IS_TOT_NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	1	
		Danh sách điểm môn	DIEM_MONS	Tham chiếu			
				KQHTC2.2.1			

26. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Hoàn thành chương trình mầm non

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Hoàn thành chương trình mầm non						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
HTCTMN .1.1	Thông tin chung					
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT/TT 150
	Mã cấp học		MA_CAP_HOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Hoàn thành chương trình mầm non		IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_MAM_NON	Chuỗi ký tự	String	1

27. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Khen thưởng

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Khen thưởng						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
KHENTH UONG.1.1	Thông tin chung					
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã khối	MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
		Mã lớp	MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
		Mã học sinh	MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
		Họ tên	HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
		Có cấp nhật khen thưởng	CAP_NHAT_KHEN_THUONG	Chuỗi ký tự	String	1
		Nội dung khen thưởng	LIST_KHEN_THUONG	Tham chiếu KHENTHUONG 2.1		
Cấp độ: Cấp 2						
KHENTH UONG.2.1	Nội dung khen thưởng					
		Mã khen thưởng	MA_KHEN_THUONG	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Khen thưởng							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Nội dung	NOI DUNG	Chuỗi ký tự	String	255	
		Ghi chú	GHI CHU	Chuỗi ký tự	String	255	

28. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Thí sinh tự do

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Thí sinh tự do						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
TSTUDO. 1.1	Thông tin chung					
	Mã sở		MA_SO	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT/TT 150
	Ngày sinh		NGAY_SINH	Ngày tháng	Date	Tham chiếu QCVN 102:2016/ BT/TT 10
	Mã giới tính		MA_GIOI_TINH	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
	Mã dân tộc		MA_DAN_TOC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Nơi sinh		NOI_SINH	Chuỗi ký tự	String	255
	Chỗ ở hiện nay		CHO_O_HIEN_NAY	Chuỗi ký tự	String	255

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Thí sinh tự do							
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài	Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh		
		Hướng khuyến khích	HUONG_KK	Chuỗi ký tự	String	50	
		Điểm văn	DIEM_VAN	Số thập phân	Decimal	10	
		Điểm toán	DIEM_TOAN	Số thập phân	Decimal	10	
		Điểm ngoại ngữ	DIEM_NGOAI_NGU	Số thập phân	Decimal	10	
		Ghi chú	GHI_CHU	Chuỗi ký tự	String	255	

29. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Xét tốt nghiệp

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Xét tốt nghiệp						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
XETTOT NGHIEP.1	Thông tin chung					
	Mã sở		MA_SO	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BT TT
	Là thí sinh tự do		IS_THI_SINH_TU_DO	Chuỗi ký tự	String	150
	Mã loại tốt nghiệp		MA_LOAI_TOT_NGHIEP	Danh mục liệt kê	Enumeration	1
	Tốt nghiệp		IS_TOT_NGHIEP	Chuỗi ký tự	String	20 DMDC
	Miễn thi		IS_MIEN	Chuỗi ký tự	String	1
	Đặc cách		IS_DAC_CACH	Chuỗi ký tự	String	1

30. Quy định kỹ thuật về dữ liệu Kết quả thi lại

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin Kết quả thi lại						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
DIEMTHI LAI.1.1	Thông tin chung					
	Mã sở		MA_SO	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã trường		MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã khối		MA_KHOI	Danh mục liệt kê	Enumeration	20 DMDC
	Mã lớp		MA_LOP	Chuỗi ký tự	String	20
	Mã học sinh		MA_HOC_SINH	Chuỗi ký tự	String	20
	Họ tên		HO_TEN	Chuỗi ký tự	String	Tham chiếu QCVN 109:2017/ BTTTT
	Danh sách điểm môn		DIEM_MONS	Tham chiếu KQHTC2.2.1		150
	Điểm tổng kết		DIEM_TONG_KET	Số thập phân	Decimal	4
	Mã học lực		MA_HOC_LUC	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
	Mã hạnh kiểm		MA_HANH_KIEM	Danh mục liệt kê	Enumeration	20
	Được lên lớp		IS_LEN_LOP	Chuỗi ký tự	String	1

31. Quy định kỹ thuật về dữ liệu EQMS đầu năm

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin EQMS đầu năm						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
Cấp độ: Cấp 1						
EQMSDN.1.1	Thông tin chung					
		Mã trường	MA_TRUONG	Chuỗi ký tự	String	20
		Giáo viên	DN_DNGVS	Tham chiếu EQMSDN.2.1		
		Giáo viên tiếng anh	DN_DNGVTAS	Tham chiếu EQMSDN.2.2		
		Điểm trường cơ sở vật chất	DN_DTRCSVCS	Tham chiếu EQMSDN.2.3		
		Điểm trường lớp học sinh	DN_DTRLOPHSS	Tham chiếu EQMSDN.2.4		
		Lớp học sinh	DN_LOPHSS	Tham chiếu EQMSDN.2.5		
		Cơ sở vật chất diện tích đất	DN_CSVCDIENTICHDATS	Tham chiếu EQMSDN.2.6		
		Cơ sở vật chất phòng học	DN_CSVCPHONGHOCS	Tham chiếu EQMSDN.2.7		
		Cơ sở vật chất nhà vệ sinh	DN_CSVCNHAVESINHS	Tham chiếu EQMSDN.2.8		
Cấp độ: Cấp 2						

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin EQMS đầu năm						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
EQMSDN.2.1	Giáo viên					
		Mã báo cáo	MA_BAO_CAO	Chuỗi ký tự	String	50
		Nội dung tiêu chí	NOI_DUNG_TIEU_CHI	Chuỗi ký tự	String	400
		Tổng số	TONG_SO	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo trên đại học	TDDT_TREN_DAI_HOC	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo đại học	TDDT_DAI_HOC	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo cao đẳng	TDDT_CAO_DANG	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo TH12 + 2	TDDT_TH12_CONG2	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo TH9 + 3	TDDT_TH9_CONG3	Số nguyên	Integer	10
		Trình độ đào tạo dưới THSP	TDDT_DUOI_THSP	Số nguyên	Integer	10
		Chế độ lao động biên chế	CDLD_BIEN_CHE	Số nguyên	Integer	10
		Chế độ lao động hợp đồng	CDLD_HOP_DONG	Số nguyên	Integer	10
		Chế độ lao động thỉnh giảng	CDLD_THINH_GIANG	Số nguyên	Integer	10
		Trong tổng số nữ	TRONG_TONG_SO_NU	Số nguyên	Integer	10
		Trong tổng số dân tộc	TRONG_TONG_SO_DAN_TOC	Số nguyên	Integer	10
		Trong tổng số dân tộc nữ	TRONG_TONG_SO_NU_DAN_TOC	Số nguyên	Integer	10
EQMSDN.2.2	Giáo viên tiếng anh					

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin EQMS đầu năm						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Mã báo cáo	MA_BAO_CAO	Chuỗi ký tự	String	20
		Nội dung tiêu chí	NOI_DUNG_TIEU_CHI	Chuỗi ký tự	String	400
		Tổng số	TONG_SO	Số nguyên	Integer	0
		C2	C2	Số nguyên	Integer	10
		C1	C1	Số nguyên	Integer	10
		B2	B2	Số nguyên	Integer	10
		B1	B1	Số nguyên	Integer	10
		Dưới B1	DUOI_B1	Số nguyên	Integer	10
		Chứng chỉ sự phạm	CHUNG_CHI_SP	Số nguyên	Integer	10
		Biên chế	BIEN_CHE	Số nguyên	Integer	10
		Hợp đồng	HOP_DONG	Số nguyên	Integer	10
		Thỉnh giảng	THINH_GIANG	Số nguyên	Integer	10
		Nữ	NU	Số nguyên	Integer	10
		Dân tộc	DAN_TOC	Số nguyên	Integer	10
		Nữ dân tộc	NU_DAN_TOC	Số nguyên	Integer	10
EQMSDN .2.3	Điểm trường cơ sở vật chất					
	Mã điểm trường	MA_DIEM_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	20
	Tên điểm trường	TEN_DIEM_TRUONG		Chuỗi ký tự	String	50
	Diện tích	DIEN_TICH		Số thập phân	Decimal	10

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin EQMS đầu năm						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Mô tả
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Diện tích sân chơi bãi tập	DIEN_TICH_SAN_CHOI_BAI_TAP	Số thập phân	Decimal	10
		Phòng học theo cấp xây dựng trên cấp 4 số lượng	PHONG_HOC_CAPXD_TREN_CAP4_SL	Số nguyên	Integer	10
		Phòng học theo cấp xây dựng trên cấp 4 diện tích	PHONG_HOC_CAPXD_TREN_CAP4_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Phòng học theo cấp xây dựng cấp 4 số lượng	PHONG_HOC_CAPXD_CAP4_SL	Số nguyên	Integer	10
		Phòng học theo cấp xây dựng cấp 4 diện tích	PHONG_HOC_CAPXD_CAP4_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Phòng học theo cấp xây dựng tạm diện tích	PHONG_HOC_CAPXD_TAM_SL	Số nguyên	Integer	10
		Phòng học theo cấp xây dựng tạm số lượng	PHONG_HOC_CAPXD_TAM_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Phòng học theo cấp xây dựng tạm muốn số lượng	PHONG_HOC_CAPXD_MUON_SL	Số nguyên	Integer	10
		Phòng học theo cấp xây dựng tạm muốn diện tích	PHONG_HOC_CAPXD_MUON_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Phòng học đủ điều kiện tổ chức học nhóm - Đủ diện tích và bàn ghế	PHONG_HOC_DU_DK_TC_HO_C_NHOM_DU_DT_VA_BAN_GHE	Số nguyên	Integer	10
		Phòng học đủ điều kiện tổ chức học nhóm - Đủ diện tích - thiếu bàn ghế	PHONG_HOC_DU_DK_TC_HO_C_NHOM_DU_DT_THIEU_BAN_GHE	Số nguyên	Integer	10

Tên nhóm dữ liệu: Thông tin EQMS đầu năm						
Mã thông tin	Phân cấp thông tin		Ký hiệu trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu		Độ dài
	Đối tượng thông tin	Trường dữ liệu		Tiếng Việt	Tiếng Anh	
		Phòng học đủ điều kiện tổ chức học nhóm - Đủ bàn ghế - thiếu diện tích	PHONG_HOC_DU_DK_TC_HO C_NHOM_DU_BAN_GHE_THI EU_DT	Số nguyên	Integer	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho giáo viên Nam số lượng	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_G V_NAM_SL	Số nguyên	Integer	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho giáo viên Nam diện tích	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_G V_NAM_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho giáo viên Nữ số lượng	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_G V_NU_SL	Số nguyên	Integer	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho giáo viên Nữ diện tích	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_G V_NU_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho học sinh Nam số lượng	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_H S_NAM_SL	Số nguyên	Integer	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho học sinh Nam diện tích	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_H S_NAM_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho học sinh Nữ số lượng	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_H S_NU_SL	Số nguyên	Integer	10
		Khu vệ sinh đạt chuẩn cho học sinh Nữ diện tích	KHU_VS_DAT_CHUAN_VS_H S_NU_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Nhà xe giáo viên số lượng	NHA_XE_GV_SL	Số nguyên	Integer	10
		Nhà xe giáo viên diện tích	NHA_XE_GV_DT	Số thập phân	Decimal	10
		Nhà xe học sinh số lượng	NHA_XE_HS_SL	Số nguyên	Integer	10
		Nhà xe học sinh diện tích	NHA_XE_HS_DT	Số thập phân	Decimal	10